

## Dàn bài phân tích bài Hịch tướng sĩ

### 1. Mở bài

Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời và khái quát giá trị tác phẩm:

- Năm 1285, vào trước khi diễn ra cuộc kháng chiến Mông- Nguyên, Trần Quốc Tuấn đã viết nên bài "Hịch tướng sĩ" nhằm khích lệ tinh thần đấu tranh và học tập của các tướng sĩ trong quân đội.
- Đây thực sự là một áng văn bất hủ thể hiện rõ tư tưởng yêu nước và lòng quyết tâm chống lại kẻ thù xâm lược.

### 2. Thân bài

- Dẫn ra tên tuổi của các vị anh hùng nghĩa sĩ trung quân ái quốc ->. nêu gương cho các nghĩa sĩ tự nhìn lại mình, khẳng định nhân tài, hào kiệt của đất nước.
- Nêu rõ thực trạng của đất nước giữa buổi thời loạn lạc, quân giặc tàn ác.
- Nổi đau đáu, lo lắng cho vận nước, cho nhân dân đêm ngày của vị tướng lĩnh.
- Nhắc lại những ân tình của một vị lĩnh tướng với nghĩa quân của mình -> lên án, phê phán những hành động, ý nghĩ sai trái, vô trách nhiệm.
- Vạch ra những điều nên làm lúc bấy giờ.

### 3. Kết bài

Với những lời lẽ sắc bén, hợp lý, chân tình, Trần Quốc Tuấn đã lay động được tâm lòng của hàng ngàn nghĩa sĩ, thôi thúc họ sống và rèn luyện, chiến đấu hết mình vì nước Việt thân yêu.

## Phân tích bài Hịch tướng sĩ hay nhất - Mẫu 1

Trong nền văn học Việt Nam có những tác phẩm ra đời để rồi trở thành những áng văn bất hủ cùng thời đại, trải qua biết bao nhiêu sóng gió của thời gian nhưng vẫn vẹn nguyên giá trị đến tận ngày nay. Cùng với tác phẩm Nam Quốc Sơn Hà, Bình Ngô Đại Cáo, Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn cũng là một tác phẩm, một áng văn bất hủ để đời. Vậy điều gì đã làm nên sức sống ấy?

Hịch tướng sĩ là một áng văn nghị luận cổ của văn học trung đại Việt Nam, được viết vào giữa thế kỷ XIII, trước cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên lần thứ hai. Tác giả bài Hịch là một danh tướng kiệt xuất của triều Trần, vị chủ tướng của cuộc kháng chiến lúc bấy giờ.

Với trọng trách mà dân tộc giao phó đè nặng trên đôi vai, với nhiệt tình yêu nước cháy bỏng, Trần Quốc Tuấn nung nấu một khát vọng cao cả: chiến thắng giặc thù, giữ yên

giang sơn bờ cõi. Để khơi dậy ngọn lửa yêu nước và động viên ý chí chiến đấu trong ba quân tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã ra lời kêu gọi tướng sĩ bằng một bài Hịch bất hủ: Dụ Chư tì tướng hịch vân - còn gọi là Hịch tướng sĩ văn, áng hùng văn của mọi thời đại.

Trước tiên chúng ta đi tìm hiểu về thể loại hịch, đó là một thể văn thư cổ mà các tướng lĩnh, vua chúa hoặc người thủ lĩnh một tổ chức, một phong trào dùng để kêu gọi cổ vũ mọi người hăng hái chiến đấu tiêu diệt kẻ thù. Hịch thường được viết theo lối văn tứ lục, cũng có khi viết bằng văn xuôi hay thơ lục bát.

Một bài hịch thường được cấu trúc theo ba phần chính: phần đầu: nêu lên một nguyên lí đạo đức hay chính trị làm cơ sở tư tưởng, lí luận; phần giữa: nêu thực trạng đáng chú ý (thường là kẻ tội kẻ thù); phần cuối: nêu giải pháp và lời kêu gọi chiến đấu. Hịch viết xong thường được vào ống hịch và do các sứ giả truyền đi khắp nơi. Nếu như hịch khẩn cấp thì trên đầu ống hịch thường có một chùm lông gà (do vậy mà gọi là vũ hịch).

Đoạn văn mở đầu Trần Quốc Tuấn đã nêu gương những anh hùng, những vị trung thân nghĩa sĩ đã hết mình vì nước mà mất đi cả tính mạng. Nói cách khác tác giả đang nêu lên nguyên lí đạo đức, cơ sở lí luận tư tưởng để khích lệ quân sĩ của mình. Những vị trung thân nghĩa sĩ ấy là “Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu chia lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dục Nhượng nuốt than, báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay để cứu nạn cho nước.

Kính Đức một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thái Sung; Cảo Khanh một bày tôi xa, miệng máng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc”. Có thể nói lập luận của Trần Quốc Tuấn vô cùng dễ hiểu ngắn gọn và súc tích. Ngài nói rằng võ tướng không thể hiểu được thì ngài lại lấy những minh chứng thực tế để cho họ hiểu. Và từ những điều ấy thì xét về thời điểm họ ra đời thì cũng phải có trách nhiệm với sự tồn vong của đất nước.

Sang đoạn tiếp theo tác giả đã phơi bày tố cáo những tội ác mà bọn giặc gây ra cho đất nước ta, đồng thời qua đó ông thể hiện tấm lòng yêu nước và căm thù giặc sâu sắc của mình. Tội ác của chúng được Trần Quốc Tuấn nêu lên “Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu vàng bạc, để vét của kho có hạn.

Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau!”. Đó là hàng loạt tội ác của quân giặc, qua những hình ảnh “ nghênh ngang đi giữa đường” “ sỉ mắng triều đình” và những âm mưu của chúng ta đã vạch rõ tội ác và âm mưu của chúng.

Không những thế tác giả còn thể hiện sự khinh bỉ chúng qua hình ảnh như “ đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ”. đồng thời tác giả tiếp tục bày tỏ lòng yêu nước và căm thù giặc của cá nhân mình. “ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước

mắt đằm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thầy ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm”.

Những lời văn chắc nịch ấy như vang lên một sự căm thù đến tột đỉnh kẻ thù của mình, tác giả đã có những lúc quên ăn, nước mắt đằm đìa, ruột đau như cắt, ý chí kiên cường quyết tâm của Trần Quốc Tuấn cũng thể hiện rõ sự căm thù đó. Dẫu có phải phơi xác ngoài chiến trường thì cũng nguyện xin làm để đánh đuổi bọn xâm lược dê chó kia.

Sau khi nêu mối ân tình giữa chủ soái và tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ, đồng thời khẳng định những hành động nên làm nhằm thức tỉnh sự tự ý thức, trách nhiệm, tự nhìn nhận lại mình để điều chỉnh suy nghĩ cũng như hành động của tướng sĩ. Tác giả nêu lên sự thiệt hơn công bằng trong quân đội, đói thì cho cơm ăn, đi thủy thì cho thuyền mà đi bộ thì cho ngựa...nhưng nay chủ nhục mà quân không biết lo.

Tác giả tiếp tục nêu những sai lệch trong quân đội để cảnh tỉnh binh sĩ. Những sai lệch ấy là có người thì mê rượu, cờ bạc, quyến luyến vợ con, làm ruộng vườn để cung phụng gia đình, có kẻ lại ham săn bắn mà nhác việc quân. Đó là tất cả những sai lệch trong quân đội rất đáng lo ngại nếu bất chợt giặc Nguyên Mong sang thì nhưng sai lệch ấy, việc làm ấy có thể cứu đất nước được hay không?. Đợi đến lúc đó vợ con cũng không còn để mà quyến luyến nữa, đất nước cũng chẳng phải của mình mà tiếng như nhuốc còn để lại mãi đời sau, lúc đó thì còn vui được nữa hay không.

Từ đó Trần Quốc Tuấn nêu lên những việc cần phải làm ngay chính lúc này là tập trung vào luyện binh pháp, theo Binh Thư Yếu lược để đánh đuổi quân Mông được. Và việc đó đồng nghĩa với việc những người thân hay những thú vui của họ sẽ vẫn còn, lúc ấy vui cũng chưa muộn “Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, (. . .) lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. ", "Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!

Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc của các người cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khôn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên. . .”. từ những lời nói ấy ta như thấy được Trần Quốc Tuấn đã rất khôn khéo với những lời trách móc hay cũng như giáo huấn binh sĩ của mình.

Nhưng lại có lúc lời nói ấy không giống của một chủ tướng mà giống người cùng cảnh ngộ với họ hơn. Có thể thấy tác giả là một vị tướng tài ba thấu hiểu hết những buồn vui cũng như thú chơi của binh sĩ để từ đó mà chấn chỉnh lại. Trước những sai lệch thì như trách móc nhưng sau đó không phải là hình phạt như chém đầu hay đánh đập mà chỉ là những lời khuyên. Điều đó góp phần cho quân sĩ không mất đi người nào mà còn được lòng người, dùng biện pháp mạnh bây giờ chỉ khiến cho người ta thêm phần không nề phục.

Nói tóm lại dù là khuyên răn bày tỏ thiệt hơn hay là lời nghiêm khắc cảnh cáo thì cũng đều nhằm khơi dậy ý thức về trách nhiệm, bổn phận của tướng sĩ đối với giang sơn xã tắc, đều hướng tới cái đích kêu gọi đồng tâm hiệp lực tiêu diệt quân xâm lược, đối phó với kẻ thù. Nghệ thuật trong bài cũng mang đến những thuyết phục tuyệt vời cho bài hịch.

Đó là nghệ thuật so sánh tương phản để thấy được sự ngông nghênh hống hách và bản chất dê chó của kẻ thù. Đồng thời với giọng văn lúc nghiêm trang như trách móc, sỉ mắng lúc nhẹ nhàng đồng cảm ngộ, lúc tha thiết như tâm tình, lúc lại âm vang như thể hiện sự căm tức kẻ thù để đã mang lại hiệu ứng bất ngờ đến với binh sĩ.

Tất cả những nội dung và nghệ thuật ấy đã mang đến sự bất hủ và thành công cho áng văn này. Không những thế cũng chính bởi sự thuyết phục của bài hịch những lời nói, những tâm tư tình cảm của Trần Quốc Tuấn đã đánh thức được binh sĩ giúp họ tỉnh lại và chú tâm vào công việc luyện binh pháp hằng ngày. Để rồi đi đến một kết quả mong đợi và tốt đẹp đó là chiến thắng quân Nguyên Mông một cách huy hoàng.

## **Phân tích bài Hịch tướng sĩ ngắn - Mẫu 2**

Trước cuộc xâm lược của quân Mông - Nguyên lần thứ hai (1285), tình hình giao thiệp giữa chúng ta và nước ta rất căng thẳng. Bọn sứ giả trịch thượng, ngênh ngang, yêu sách đủ điều. Thời kỳ hoãn binh không kéo dài được nữa. Phải chuẩn bị gấp rút hơn.

Trần Quốc Tuấn thấy tình hình tướng lĩnh chưa được sẵn sàng, soạn ra cuốn Binh thư yếu lược là một cuốn sách nói những điều cốt yếu về chiến lược, chiến thuật quân sự, rồi viết bài hịch này để khuyên răn các tướng lĩnh nhận rõ tình hình bấy giờ, ra sức nghiên cứu binh thư, rèn luyện võ nghệ, chuẩn bị chống giặc. Bài hịch, do đó, coi như là một bài mở đầu cho việc phổ biến cuốn sách kia. Không thấy đâu chép thời điểm sáng tác bài văn, nhưng căn cứ vào nội dung thì phải một thời gian trước khi quân Mông - Nguyên xâm lược lần thứ hai.

Hịch là một thể văn kêu gọi chiến đấu. Nó không theo công thức nào. Nó là một bài chính luận. Thường dùng văn xuôi, có khi dùng văn biền ngẫu. Để kêu gọi thành công, phải nêu lý lẽ xác đáng nhưng chủ yếu nhằm chinh phục tình cảm. Bài hịch hay thường đậm chất trữ tình. Văn học của ta không nhiều bài hịch lắm.

Nêu gương xả thân vì việc nghĩa của người xưa và của người đương thời, vạch ra tình hình Tổ quốc đang gặp hiểm nguy, bị đe dọa... xâm lược, rồi liên hệ phê phán thái độ cầu an hưởng lạc của tướng lĩnh, thức tỉnh họ về trách nhiệm cứu nước. Trần Quốc Tuấn, với tư cách là vị chủ soái nói với cấp chỉ huy dưới trướng mình, đã lấy tâm trạng mình trò chuyện với họ, thuyết phục họ bằng con đường tình cảm, động viên họ học tập, rèn luyện, giáo dục quân sĩ để sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng, tất cả nhằm bộc lộ một tấm lòng yêu nước thiết tha, một mối thù giặc sâu sắc và một chí quyết thắng sắt đá.

Bắt đầu phần 1 tác giả nói: Ta thường nghe. Mỏ" lời như vậy là muốn nói một câu chuyện tâm tình. Chuyện ta thường nghe, thường học tập. Nay ta đem trao đổi với các người đề" các người cùng nghe, cùng suy nghĩ.

Xưa nay có biết bao nhiêu trung thần nghĩa sĩ hành động không tiếc thân mình. Kể cứu vua, người trả thù cho chủ, kẻ mắng giặc dữ, người chống giặc mạnh... Tác giả kể một hồi sáu người đời xưa, và khi thấy người nghe mình không lấy làm tin thì dẫn luôn bốn gương đời nay.

Trước sau có đến mười người. Nói cho đúng, hành động của họ đều đáng khen, nhưng cái nghĩa lớn mà vì nó họ hy sinh, xét ra không quá một cá nhân, chưa kể trong số mười người ấy có hai tên xâm lược, chỉ có hai người thật sự vì nước nhà mà chống giặc. Tuy vậy tác giả đều cho họ vì nước bỏ mình, họ là những bề tôi bậc thấp mà trung nghĩa sáng ngời, lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ, nhân dân còn đội ơn, đến nay còn lưu tiếng tốt.

Chỉ vì họ không theo thói nữ nhi thường tình, không chịu chết già ở xó cửa, mà dám hi sinh, dám đường đường chống giặc đông gấp trăm lần mình, dám xông vào chỗ làm trướng, xa xôi nghìn trùng. Người xưa, thôi không nói làm gì. Nhưng những người gần đây, nào họ có gì đặc biệt, họ cũng chỉ là những cấp chỉ huy bình thường. Họ lập được những thành tích đáng ngợi khen, thì tại sao các người lại không làm được?

Như phần 1 đã nói, là trung thần nghĩa sĩ phải dám xả thân như mười người trên kia. Huống chi tình hình đất nước hiện nay đang hiểm nghèo biết mấy!

Đất nước đâu phải buổi thanh bình. Ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Đó là nói thật. Năm 1258 quân phong kiến Mông cổ đã xâm lược nước ta lần thứ nhất. Chúng bị ta đánh bại. Nhưng trong suốt hai mươi bảy năm từ đó đến cuộc xâm lược lần thứ hai năm 1285, chúng không hề để ta yên, mà càng ngày càng ngang ngược. Sự thật ấy là nỗi đau xót chung của đất nước, của ta cùng các người.

Nay thì cảnh tượng hàng ngày đang xảy ra, ta không thể nhắm mắt không ngó thấy sứ giặc đi nghênh ngang ngoài đường, dám sỉ mắng triều đình, dám bắt nạt tể phụ mà chúng là thứ gì, chỉ là quân dè chó, cú điều mà thôi. Chúng lại lấy thế, thẳng nọ thẳng kia đòi ngọc lụa, bạc vàng, trong khi kho của ta có hạn mà lòng tham của chúng không cùng.

Ta thừa biết làm như thế cũng chẳng khác gì đem thịt mà ném cho hổ đói, thế nào rồi hổ cũng vồ ta. Bởi chúng nó đâu chỉ muốn có bạc vàng, ngọc lụa. Chúng nó giả danh mượn đường để đánh Chiêm Thành, kỳ thực là chúng muốn cướp nước ta. Cái vạ về sau là cái vạ đó.

Tình hình đất nước đang như vậy. Loạn lạc và gian nan nay đã đến như vậy. Ta cùng các người cùng chung tình hình. Chủ soái ghép mình vào với các tướng, chia sẻ chung với họ tình hình ấy, cùng sinh ra và cùng lớn lên trong đó, ngang hàng, cùng lứa. Lời nói nghe

như thân mật mà có gì đau xót bên trong. Như có tiếng thở dài, hay một giọng ngậm ngùi đang ẩn giấu. Hỏi người nghe còn lòng nào tách rời mình ra ngoài dòng cảm xúc ấy?

Đoạn 2: Tình hình đã chung ắt cảm xúc cũng phải chung. Cả một đoạn từ "Ta thường tới bữa..." đến "ta cũng vui lòng" là điều nung nấu trong tâm trạng chủ soái. Quên ăn, bỏ ngủ, đau, buồn, căm, tức, quyết giết giặc, quyết hy sinh. Tình cảm nào cũng cao độ. Quân giặc xúc phạm đến quốc thể, cả triều đình, cả dân tộc, chúng ra mặt cướp nước, coi ta như giun dế, rác rơm.

Chịu làm sao được! Ấy mà phải tạm thời chịu nhịn để đủ thời gian chuẩn bị. Sử kể: Vào thời gian ấy, một lần đại biểu ta tiếp sứ giặc. Đang trao đổi, có gì phật ý, tên sứ trở đầu quạt cầm tay gõ mạnh vào cái đầu trọc của đại biểu ta, phun máu. Vị đại biểu ta không đổi sắc mặt, bình tĩnh lấy khăn lau chỗ máu chảy và tiếp tục trao đổi.

Dững khí có bộc lộ thành sấm sét đùng đùng, nhưng cũng có khi biểu hiện thành im lặng. Có điều cái im lặng ấy là im lặng chứa sấm sét. Ngoài mặt, trước quân thù, trước mọi người, phải giữ đúng thái độ nhẫn nhịn cần thiết. Nhưng trong lòng, ban đêm, một mình hay với người tâm phúc, như với các tướng lĩnh của mình, sao cảm lòng mình (lược mà không độ sôi trào?

Cho nên, đây là sự cởi mở tâm tình sâu kín nhất với kẻ mình hoàn toàn tin tưởng, với kẻ mình có thể phơi bày ruột gan được. Cũng bắt đầu bằng ta và lấy ta làm chủ thể: Ta thường tới bữa quên ăn... ta cũng vui lòng. Để bộc bạch hết mức cho bù lại cái nín nhịn khổ tâm thường ngày, nhưng cũng để tướng lĩnh mình nghe, để truyền cho họ cái lửa nhiệt tình của mình.

Chủ soái đã xem xét lại việc mình đối xử với tướng lĩnh có đúng với tinh thần một quân đội mà trên dưới coi nhau như cha con không. Một loạt chữ ta cho cũng dính chút quan hệ của chủ tớ, nhưng chú ý là chúng tỏ sự chăm sóc thật chu đáo, tỉ mỉ, đầy tình thương yêu, trân trọng. Lặp lại và nhấn mạnh ba lần cùng ta, cùng nhau: Cùng ta coi giữ binh quyền, lúc trận mạc cùng nhau sống chết, lúc nhàn hạ cùng nhau vui cười.

Tuy cách biệt chức vị, tuy quan hệ chủ tớ, nhưng là cùng nhau lãnh trách nhiệm chung, cùng nhau làm nhiệm vụ chiến đấu, sống chết đều cùng nhau, cùng nhau yên nghỉ lúc nhàn hạ, vui cười đều cùng nhau. Tình cảm thấm thiết đó là biểu hiện tốt đẹp của tinh thần "phụ tử chi binh". Vậy cách đối xử của chủ soái đối với cấp dưới là chí tình chí nghĩa.

Đoạn 3: Chủ soái phơi bày tâm can, tự kiểm điểm cách đối xử đến như vậy mà nhìn lại hàng ngũ tướng tá của mình thì thế nào? Té ra các người không hề nhục; các người chỉ lo vui chơi, giặc đến thì ta và các người đều bị bắt; ta và các người đều bị mất tất cả, ta và các người đều để nhục đến muôn đời; vậy bây giờ có vui chơi được không? Cho nên các người hãy nghe lời ta biết lo trước, huấn luyện quân sĩ, ai nảy đều giỏi, giết được giặc,



rửa được thù, thì hạnh phúc biết bao cho ta, cho các người, lại tiếng thơm lưu để nghìn đời; bây giờ "không muốn vui chơi phỏng có được không?".

Lập luận của chủ soái chỉ có thế. Lý lẽ cũng bấy nhiêu. Nói mất thì mới nói đến lợi ích thiết thân: mất thái ấp, bổng lộc; gia quyến bị tan, vợ con bị khốn; xã tắc tổ tông bị giày xéo, phần mộ cha mẹ bị quật lên; thanh danh chẳng còn gì, nhục để trăm năm. Nếu được thì cũng những lợi ích thiết thân ấy: thái ấp vững bền, bổng lộc đời đời:

Gia quyến, vợ con ấm êm, giai lão; tông miếu tổ tông được tế lễ, thờ cúng; danh hiệu, tên họ, sử sách lưu thơm. Có ý kiến cho rằng nói lợi ích của chủ tớ trong giai cấp thống trị như thế này là một hạn chế, mặc dù lợi ích của giai cấp thống trị bây giờ vẫn phù hợp với lợi ích của dân tộc.

Tuy nhiên, xét cho kỹ thì nói lợi ích thiết thân như đã nói lại là đi sâu thêm một mức vì nội dung dân tộc không dừng ở lãnh thổ, nó còn bao hàm quyền sinh sống của nhân dân. Con người còn có nguồn sống: ruộng đất, bổng lộc; gia quyến, vợ" con; mồ mả tổ tiên ông bà; tiếng xấu hay tiếng thơm để đời. Nói cách khác còn có đời sống vật chất và đời sống tinh thần; ngoài miếng ăn còn có tình cảm, có văn hóa phong tục, có trước mắt và có mai sau, có trách nhiệm đối với hiện tại và đời với lịch sử muôn đời.

Nói lợi ích cá nhân thật, nhưng lợi ích cá nhân ấy gắn liền với trách nhiệm cực kỳ trọng đại là trách nhiệm đối với sự mất còn của nước nhà, bởi vì nó được đặt ra dưới một tiền đề đáng sợ: Nếu giặc Mông Cổ tràn sang và một giả thiết hào hùng: có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rửa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai. Vậy đâu còn là quyền cá nhân ích kỷ! Đó là quyền lợi thật, nhưng đó cũng là cái xuất phát thiết thân nhất, thiêng liêng nhất, cái nền tảng gần gũi nhưng vô cùng thiết thực và vững chắc của lòng yêu nước. Lòng yêu nước sâu xa, thấm thiết luôn luôn bắt nguồn từ tình yêu làng xóm, quê hương, gia đình.

Nói chuyện mất, được là giả thiết về tương lai. Trước mắt là chuyện tướng lĩnh ham vui chơi nên lấy việc vui chơi mà nói. Nào chủ soái có ngăn cấm cái gì. Họ say mê đủ thứ: chơi gà, đánh bạc; vui thú ruộng vườn, quyến luyến vợ con; lo làm giàu, ham săn bắn; thích rượu ngon, mê tiếng hát. sô" dĩ phải phê phán là vì vui chơi không phải lúc. Say mê những cái đó thì làm sao chống được giặc?

Cho nên phải biếm họa cho họ thấy: cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc? Mèo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; ruộng"lắm vườn nhiều nhưng không đâu chuộc được tâm thân giặc bắt; vợ bìn con dúi, lo sao được việc quân?

Tiền nhiều sao mua được đầu giặc; rượu ngon không làm giặc say chết, tiếng hát hay không làm giặc điếc tai. Nghe như có giọng hài hước nhưng tình thì rất thật, rất trang nghiêm, chừng như có nỗi khổ tâm lớn, mà vì lòng bao dung, độ lượng mệnh mông, chủ soái chỉ đem những thứ vui chơi tầm thường đối chiếu với sức mạnh quân địch, vạch ra cái bất lực của cái trò say mê trước sức mạnh ấy, cho họ thấy rõ mà thấm thía, nghĩ suy.

Hai lần chủ soái nhắc lại: "Lúc bấy giờ, dầu các người muốn vui chơi phỏng có được không? và Lúc bấy giờ, dầu các người không muốn vui chơi phỏng có được không"? Nhắc lại là đồng tình cho vui chơi, nhưng chỉ vui chơi sau chiến thắng. Đó không chỉ là tấm lòng thương yêu mà còn là trí "óc rộng rãi. Có phê phán, có nêu cười, nhưng hết sức bao dung và hiểu biết.

Mục đích bài hịch là thức tỉnh. Thức tỉnh kẻ đang ngủ mê. Vậy phải lay dậy nhiều lần. Lời văn trở đi trở lại, trùng điệp chồng chất, tầng tầng lớp lớp. Hai đoạn ngắn là hai tầng lập luận chồng lên nhau, cái sau ngược hẳn với cái trước. Trước là chỉ biết vui chơi, giặc đến sẽ mất hết, muốn vui chơi cũng không được. Sau là chăm lo việc binh, giặc đến đánh thắng, cái gì cũng không mất mà còn được, muốn không vui chơi cũng không được.

Ấy là lấy cái mất đối lập với cái được. Mất thì: không còn, cũng mất; bị nạn, cũng khốn; bị giày xéo, bị quật lên; bị nhục, khôn rửa, không khỏi, bại trận. Được thì: mãi mãi vững bền, đời đời hưởng thụ, được ấm êm gối chăn, được bách. niên giai lão; được muôn đời tể lễ, được thờ cúng quanh năm; kiếp này đắc chí, trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền; không bị mai một, sử sách lưu thơm. Đó là đối lập chi tiết. Còn đối lập cả mở" đầu: Nay các người và Nay ta bảo thật các người; đối lập cả kết luận: dầu các người muốn vui chơi phỏng có được không? Với dầu các người không muốn vui chơi phỏng có được không?

Chọi nhau từng lời một, cụ thể, chan chát, đến phải bật ra chân lý. Trên là đối lập giữa hai đoạn với nhau. Trong mỗi đoạn cũng nhiều tầng nhiều lớp. Thử xem ở đoạn trên.

Bắt đầu là tầng một. Lập toàn một lời phủ định: không biết: không biết lo, không biết thẹn, không biết tức, không biết căm. Lại bốn lần không biết, bốn lớp tình cảm sắp xếp từ thấp lên cao, tròn cơ sở một tình cảm nhất quán là nhục: nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn, hầu quân giặc (nhục) mà không biết tức, nghe nhạc của vua trong tiệc đãi ngụy sứ (nhục) mà không biết căm.

Tiếp theo là tầng hai: Rất lối vui chơi phù phiếm ích kỷ, sắp xếp thành bốn lớp từ vui đùa đến thích mê: lấy chơi gà làm vui đùa, lấy đánh bạc làm tiêu khiển (lớp 1); vui thú ruộng vườn, quyến luyến vợ con (lớp 2); lo làm giàu quên việc nước, ham săn bắn quên việc binh (lớp 3); thích rượu ngon, mê tiếng hát (lớp 4).

Tầng thứ ba: Nếu giặc Mông Cổ tràn sang. Chỉ những lời bất lực: sao đâm thủng, không thể dùng, nghìn vàng khôn chuộc, trăm sự ích chi, không mua, không đuổi, không thể, không thể.

Tầng thứ tư là hậu quả của các tình hình trên. Một lời xuyên suốt tất cả: mất, ta các người đều mất. Và cũng bốn lớp nhân đi nhân lại bằng bốn cặp: chẳng những mà cùng: chẳng những thái ấp ta không còn, mà bổng lộc các người cũng mất, chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khốn...

Bốn tầng, mỗi tầng bốn lớp. Lớp sau bồi thêm cho lớp trước, từ thấp lên cao, từ cạn đến sâu, từ nhẹ đến nặng, từ gần đến xa. Bốn tầng xếp thành một lập luận chặt chẽ, giản đơn,



cụ thể, sinh động, đập mạnh vào cảm tính, vào trái tim. Cuối cùng tổng kết lại bằng một chữ không to tướng đằng sau câu hỏi quyết định, có sức nặng như một lời quở phạt nhưng lại vẫn êm ái một giọng tâm tình: lúc bấy giờ đâu các người muốn vui chơi phóng có được không"?

Đoạn văn tiếp theo cũng có hai tầng, mỗi tầng cũng có hai lớp. Chấm dứt tuy cũng còn là chữ không, nhưng đằng sau câu hỏi lại là chữ "có", lại là khẳng định "phải vui chơi" vì không vui chơi cũng không được.

Lời văn ở cả hai đoạn đầu phải là lời quở trách, càng không có giọng điệu si nhục. Đó là lời nhỏ to, hơn thiệt đầy bao dung và tin cậy. Người nghe không thấy mình bị vùi dập mà thấy mình vẫn được tín nhiệm, mình sẽ thức tỉnh, mình sẽ giỏi giang, mình sẽ đủ khả năng tiêu diệt quân giặc.

Phần 3 Tuy nhiên, thân mật không có nghĩa là xa rời nguyên tắc, bỏ qua trách nhiệm. Ngay ở phần trên vẫn không quên đối chiếu với nhiệm vụ, không một phút lãng quên nguy cơ nước nhà bị xâm lược. Cho nên sau khi phân tích việc vui chơi, lấy đó làm điều răn, sau khi động viên tướng tá có thể làm tròn nhiệm vụ một cách vẻ vang, chủ soái lại nêu ra mục đích cụ thể, trực tiếp của bài hịch vù vạch ra hai con đường buộc phải chọn một: Nếu biết chuyền tập sách này theo lời ta dạy bảo thì trọn đời là tôi chủ, ngược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy thì trọn đời là nghịch thù.

Và chủ soái giải thích luôn: Bởi giặc với ta là kẻ không đội trời chung, các người không lo luyện tập, thì khác gì quay giáo đầu hàng, tay không chịu thua giặc, như vậy còn gì mà không thù? Còn gì mà không muôn đời để thẹn, mặt mũi nào đứng trong trời che đất chở này nữa? Cuối cùng chấm dứt bằng một câu tỏ rõ tấm lòng của chủ soái: Ta viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.

Bụng ấy là thương yêu độ lượng, nhưng vừa ân tình, vừa cương quyết, vừa động viên vừa ép buộc, vừa khuyên lơn vừa kỷ luật. Giọng điệu là tâm tình nhưng lời đã là ra lệnh: nêu nghe là tôi chủ, nếu không biết nghe là nghịch thù. Người nghe vì tình không thể cảm thông, vì lý không thể không bị thuyết phục.

Trong văn học nước nhà không mấy bài hịch có giọng tình cảm như bài này. Lý lẽ không cao xa mà gần gũi, không trừu tượng mà cụ thể, lấy người lấy việc mà nêu gương, thu phục chứ ít dùng giảng giải, thuyết lý, nhưng tất cả đều thấm đượm ân tình, đạo nghĩa của chủ soái theo tinh thần phụ tử chi binh. Bài hịch có những hạn chế nhất định, nhưng chính nhờ tinh thần ấy mà có một sức lay động sâu xa, mãnh liệt.

Khi được truyền ra rộng rãi, nó đã làm cho toàn quân toàn dân nức lòng hăng hái giết giặc, phối hợp với tác dụng của lời kêu gọi Diên Hồng (đầu năm 1285), đưa đến việc thích vào tay hai chữ Sát Thát và nâng cao ngất trời hào khí đời Trần. Cho đến ngày nay, bài hịch vẫn còn giữ nguyên sức lay động ấy. Nó vẫn là một bài học sẵn sàng chiến đấu

và quyết tâm chiến thắng, một lời nhắn nhủ yêu nước thương nhà muôn đời không thôi thúc giục.

## **Phân tích bài Hịch tướng sĩ ngắn gọn - Mẫu 3**

Trần Quốc Tuấn là một vị tướng tài đã có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống giặc Mông. Tác phẩm “Hịch tướng sĩ” được ra đời trước cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – mông lần thứ hai mang tình yêu tha thiết, nồng nàn của ông dành cho quê hương, đất nước. Đồng thời, tác phẩm còn được coi là lời hiệu triệu toàn quân trước ngày ra trận.

Là một vị tướng kiệt xuất, Trần Quốc Tuấn yêu nước tha thiết và hết lòng tận trung với dân, với nước. Nên khi thấy giặc ngoại xâm ngang tàng, dám coi thường đất nước, sỉ nhục vua quan, ông tố cáo chúng bằng lời lẽ đanh thép: “ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê cho mà bắt nạt tể phụ”.

Ta lại càng căm tức hơn khi chúng dám vơ vét tài sản của nhân dân: “thác mệnh hốt tất liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vơ vét của kho có hạn.” Đưa ra những bằng chứng về sự tàn bạo, tham lam của giặc, Trần quốc Tuấn đã khơi dậy lòng căm thù và ý chí chiến đấu của toàn thể nhân dân, tướng sĩ.

Trước nỗi nhục mất nước, dân tộc rơi vào cảnh lâm nguy, một vị tướng tài không khỏi trần trọc băn khoăn, lo lắng: “Ta thường đến bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa”. Ông đau đáu nhìn vận nước đang suy mà căm thù lũ giặc, quyết không đội trời chung: “xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù.” Ông nguyện hi sinh bản thân để đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành lại độc lập cho dân tộc: “dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”

Không chỉ một lòng vì nước quên thân, Trần Quốc Tuấn còn là một vị tướng biết yêu thương những binh sĩ như những người anh em cùng nhau xông pha ngoài chiến trường: “không có mặc thì ta cho com, không có ăn thì ta cho com, quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ra cấp bổng, đi thủy thì cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa”. Bởi vậy, những binh sĩ vừa khâm phục đức hi sinh của ông mà lại vừa cảm thấy gần gũi, cảm động trước những ân tình ông dành cho họ.

Song song với sự quan tâm tới các binh sĩ, ông cũng phê phán nghiêm khắc những tư tưởng, ý thức sai trái của họ: “thấy nước nhục mà không biết lo, thấy chủ nhục mà không biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức”.

Ông cũng phê bình gay gắt những người chỉ ham chơi mà bỏ bê trách nhiệm, nhất là khi đất nước đang lâm nguy: “lấy việc chơi gà làm vui đùa, lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con, hoặc lo làm giàu mà quên việc nước,

hoặc ham săn bắn mà quên việc binh, hoặc thích uống rượu, hoặc mê ca hát.” Trần Quốc Tuấn đã làm thức tỉnh biết bao binh sĩ để họ ý thức được những việc làm sai trái của chính mình, để từ đó mà sửa chữa, trở lại với trách nhiệm mà bản thân cần đảm đương lúc này. Đó chính là cùng nhau đoàn kết, rèn luyện và chiến đấu với quân thù, bảo vệ đất nước.

“Hịch tướng sĩ” thực sự là một áng văn bất hủ cho thấy Trần Quốc Tuấn không chỉ là một vị tướng tài yêu đất nước, có khả năng thu phục lòng người mà còn là một tài năng văn chương xuất chúng. Với giọng văn đanh thép chứa đầy những suy tư về vận mệnh dân tộc, tên tuổi ông sẽ mãi rạng ngời trên những trang văn học, trang sử vàng của dân tộc Việt Nam.

## **Văn nghị luận phân tích bài Hịch tướng sĩ - Mẫu 4**

Thế kỉ XIII, đất nước Đại Việt liên tục đứng trước mối đe dọa của giặc Nguyên. Chiến đấu để độc lập, tự chủ, hay đầu hàng để chịu mất nước, nô lệ? Vua tôi nhà Trần đã quyết chọn con đường chiến đấu. Nhưng làm sao để có thể chọn được con đường ấy? Trần Quốc Tuấn đã đưa ra một lời giải đáp vừa thấu lí vừa đạt tình trong bài ‘Hịch tướng sĩ’ bất hủ của mình. Bài hịch, mặc dầu là một bài văn chính luận, nhưng có những đoạn văn đọc lên nghe rất thống nhất, tràn đầy tình cảm như đoạn ông viết về lòng căm thù đối với quân giặc.

Trần Quốc Tuấn viết:

‘...Huông chi, ta cùng các ngươi sinh ra phải thời rồi ren, lớn lên gặp buổi khó nhọc’. Không phải riêng ta hay riêng các ngươi, mà ta ‘cùng các ngươi’. Nói thế Trần Quốc Tuấn đã chia sẻ tâm sự của mình cùng với các tướng sĩ, cũng là chia một chân lí của thời đại: trong thời bình, cương vị của mọi người có thể khác nhau, nhưng khi đất nước bị lâm nguy, nền tự chủ của đất nước bị đe dọa hoặc nếu mất nước thì tất cả mọi người, không trừ ai, sẽ giống nhau trước nỗi nhục chung, nỗi khổ chung của kẻ mất nước.

Bởi vậy, nỗi nhục sau đây không phải của riêng ai: ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ... Những sự việc như thế có thể nhiều người đã biết một cách riêng biệt và cụ thể, đã được vị tướng họ Trần hệ thống lại, dựng thành một bức tranh sinh động về hành động láo xược của sứ nhà Nguyên.

Ông chỉ nêu lên ba sự việc của bọn chúng: đi lại nghênh ngang, sỉ mắng triều đình, bắt nạt tể phụ (tức là bậc đứng đầu trong các quan), kèm theo những hình ảnh diễn tả đầy căm giận: ‘uốn lưỡi cú diều’, ‘đem thân dê chó’. Những sự việc đó nhằm nói lên điều gì? Danh dự của đất nước bị sỉ nhục, chủ quyền của đất nước xâm phạm. Làm sao có thể không cảm thấy chính mình bị nhục, làm sao có thể không cảm thấy lòng đầy căm giận khi chính mắt mình nhìn thấy những sự việc như thế.

Tác giả bài hịch lại kể tiếp về bọn giặc: '... lại thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng để vét của kho có hạn'. Không chỉ dừng lại ở những hành động láo xược, bọn xứ giặc còn có những đòi hỏi vô lý về của cải vật chất. Ý nghĩa toát ra từ việc trở nên rất sinh động khi tác giả đặt ra sự tương phản giữa 'của kho có hạn' với 'lòng tham khôn cùng' của bọn sứ Mông cổ.

Thế thì, với những hành động ngông cuồng, si nhục về mặt tinh thần, vơ vét về mặt vật chất, bọn sứ giặc đã lộ rõ bản chất tham tàn của kẻ xâm lược. Từ đó, thái độ nhìn xa trông rộng đầy tinh thần cảnh giác của tác giả đã hoàn toàn đúng đắn: 'Thật khác nào ném thịt cho hổ đói, sao cho khỏi gây tai vạ về sau!'

Như thế có nghĩa là sự nhân nhượng đã đến chỗ tận cùng giới hạn. Không thể nhân nhượng hơn được nữa! Không thể nhẫn nhục hơn được nữa! Đến đây, Trần Quốc Tuấn bày tỏ lòng căm giận của mình: 'Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa xẻ thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù, dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng'.

Trong văn thơ cổ, thật chưa có ở đâu, lòng căm thù giặc và ý chí quyết chiến được diễn tả một cách chân thành, thống thiết và mãnh liệt đến thế. Đây là lòng căm thù và ý chí riêng của một người nhưng cũng tiêu biểu cho lòng căm thù và ý chí của toàn thể nhân dân Đại Việt. Hay có thể nói: ý chí của cả một dân tộc, một đất nước dồn nén lại trong nỗi niềm của một con người.

Có một điều đáng lưu ý: ở đoạn trên tác giả nói đến hoàn cảnh chung của 'ta' và 'các người', nhắc đến nguy cơ chung, nỗi nhục chung của 'ta cùng các người' nhưng đến đoạn sau, nói lên ý chí căm thù giặc, tác giả chỉ nói 'ta'. Vì sao vậy? Vì đó chính là điều mà vị tổng tư lệnh quân đội mong đợi ở tướng sĩ, đòi hỏi ở mỗi tướng sĩ của mình. Đằng sau đoạn văn là một câu hỏi bức bách: thời cuộc rối ren như vậy, đất nước gặp buổi khó khăn như vậy, nỗi lòng ta như vậy, còn lòng các người ra sao? Các người đã thấy nỗi nhục của nước, nhưng các người đã có lòng căm hận đến như thế chăng?

Nếu 'Hịch tướng sĩ' của Trần Quốc Tuấn là một trong những áng văn hay nhất thời cổ, thì đoạn văn trên là một trong những đoạn văn vừa hùng hồn vừa tình cảm nhất của bài hịch. Đọc đoạn văn, ta còn như nghe vang lên khí thế của cả một thời kì lịch sử oanh liệt

## **Phân tích bài Hịch tướng sĩ ngắn gọn nhất - Mẫu 5**

Nhắc tới Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn là chúng ta nhắc tới một vị tướng uy dũng, văn võ toàn tài và có công rất lớn trong công cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông thắng lợi. Có thể nói, ông là minh chứng cho sự hội tụ hào khí Đông A của triều đại nhà Trần. Đoán trước được lòng quyết tâm phục thù trở lại xâm lược lần hai của quân Nguyên, Quốc công tiết chế Hưng Đạo Vương đã chủ động mở cuộc duyệt binh lớn ở Đông Thăng Long vào tháng 9 năm 1284 và công bố bài Hịch "Dụ chư tì tướng hịch văn"

(tức Hịch tướng sĩ). Mục đích của bài hịch là khích lệ, kêu gọi tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu của tướng sĩ nhà Trần đồng lòng dốc sức nhất tề đứng lên chống lại quân xâm lược; đồng thời kêu gọi các tướng sĩ ra sức học tập cuốn "Bình gia diệu lý yếu" (Bình gia yếu lược) do chính ông biên soạn để chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến đấu chống quân Nguyên lần hai. Bài Hịch không những có giá trị lịch sử quan trọng mà còn là một tác phẩm văn học trung đại độc đáo của thơ văn Lý – Trần thời kì đó.

Hịch là thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Hịch thường được viết theo hình thức văn biền ngẫu, kết cấu chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn. Cấu trúc chung của bài Hịch thường gồm bốn phần những vẫn có thể thay đổi linh hoạt cho phù hợp với mục đích và nghệ thuật lập luận của tác giả. Bài "Hịch tướng sĩ" có những sáng tạo linh hoạt trong cấu trúc, bao gồm có hai phần: nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. Tuy được viết theo thể Hịch nhưng đây là áng văn chính luận xuất sắc, lời văn thống thiết, hình ảnh giàu biểu cảm, mang đậm chất trữ tình.

Mở đầu bài Hịch, với một giọng điệu trò chuyện, tác giả đã nêu lên một loạt các tấm gương "trung thân nghĩa sĩ" đã dũng cảm xả thân vì nước, vì chủ trong lịch sử từ quá khứ xa xưa (Hán, Đường) cho tới "mới đây" (Tống, Nguyên) mà ai cũng biết. Cách nêu gương như vậy, một mặt làm tăng thêm tính thuyết phục về một chân lí phổ biến trong xã hội ở mọi thời: đời nào cũng có những anh hùng nghĩa sĩ tiết liệt sẵn sàng bỏ thân để vì nước; đồng thời tác động tới nhận thức của các tướng sĩ : khơi dậy ý thức trung thành, khéo léo nhắc nhở về bổn phận, trách nhiệm của bậc nam nhi sinh ra trong thời chiến.

Đoạn văn tiếp theo, từ việc nêu các tấm gương sáng trong sử sách, tác giả chỉ ra tình hình đất nước hiện nay. Với một giọng điệu xót xa, đau đớn, căm phẫn ông đã tái hiện những sự việc đang diễn ra ở đất nước ta dưới vó ngựa xâm lăng của quân Nguyên Mông, khiến cho bất cứ những người dân yêu nước nào cũng phải ngậm ngùi, đau xót: "... Ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giả đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau!". Người đọc dễ dàng nhận thấy, dưới ngòi bút của tác giả, ông đã thu vật hóa chân dung và bản chất của bọn giặc, khiến bọn chúng hiện lên vừa đốn hèn nhu nhược, vừa tham lam ích kỉ, vừa mọi rợ, tàn ác đến mất hết tính người. Lời văn tràn đầy niềm phẫn uất, căm tức đến tuyệt đỉnh, bộc lộ tâm thế nhất quyết không đội trời chung với giặc và ẩn sau đó là khí thế chiến đấu, tinh thần yêu nước mãnh liệt, quật cường của vị chủ tướng thống lĩnh đại quân.

Tấm lòng yêu nước nồng nàn của Trần Quốc Tuấn được thể hiện rõ nhất qua hai câu văn: "Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng". Các câu văn được viết



theo hình thức thể văn biền ngẫu, câu văn ngắn dài sóng đôi, kết hợp với giọng điệu dồn dập, gấp gáp đã thể hiện được lòng căm thù giặc, khí thế anh hùng dũng liệt và tinh thần chiến đấu mạnh mẽ của tác giả. Ông nguyện xả thân, không tiếc thân mình, sống chết vì đất nước. Ta đọc ở đây một trách nhiệm công dân cao độ, một ý chí khát vọng lập công mạnh mẽ của một bậc trượng phu có lý tưởng sống và chiến đấu cao đẹp, thiêng liêng: quyết tử cho tổ quốc quyết sinh.

Tiếp đến tác giả khơi dậy mỗi ân tình của mình đối với các tướng sĩ. Có thể nói, đối với các tướng sĩ dưới trướng của ngài, Trần Quốc Tuấn hiện lên như một người cha lớn hết lòng quan tâm, yêu thương, chở che, đùm bọc: "... không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng; đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa". Thậm chí trong loạn lạc thì cùng san sẻ, gánh vác hiểm nguy, cùng nhau sống chết; lúc thời bình thì cùng nhau vui cười. Mỗi ân tình đó được ông ví như Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước. Đây là cách khéo léo của Trần Quốc Tuấn, khi ông lấy chữ "Tình" ra để mà thức tỉnh quân sĩ, từ đó nhắc nhở họ có ý thức, trách nhiệm đối với chủ tướng, vua tôi.

Sau khi nói về "đạo thần chủ", tác giả chuyển sang phê phán, trách móc thái độ và hành động thờ ơ, vô trách nhiệm của các tướng sĩ trước tình hình nguy nan của đất nước, của chủ mình. Ông đã phân tích, chỉ ra rất nhiều những sự hưởng thụ cá nhân ích kỉ, chỉ biết trốn tránh trách nhiệm đối với đất nước của các tướng sĩ: nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức; nghe nhạc thái thường để đãi yến nguy sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú vườn ruộng, quyến luyến vợ con... Để từ đó, tác giả chỉ ra hai viễn cảnh trái ngược nhau. Thứ nhất, nếu các tướng sĩ cứ có thái độ và hành động bàng quang, vô trách nhiệm với vận mệnh của đất nước thì: mất đi tài sản đất đai, gia đình vợ con tan tác chia lìa, xã tắc tổ tông bị giày xéo; tính mạng không những không giữ được mà thanh danh còn ô uế đến muôn đời. Nhưng ngược lại, nếu các tướng sĩ chăm chỉ huấn luyện, "tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ" thì chẳng những đền được nợ nước thù nhà (bêu đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rửa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai) mà còn đem lại lợi ích cho bách gia trăm họ, cho bản thân, gia đình đến muôn đời (Thái ấp ta mãi vững bền; mà bộc lộc các người cũng đời đời hưởng thụ; chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn, mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão...tên họ các người cũng được sử sách lưu thơm). Nghệ thuật tương phản đã cho thấy hai viễn cảnh đối ngược nhau, Trần Quốc Tuấn đã để cho các tướng sĩ tự chiêm nghiệm, suy ngẫm về sự mất – được, hại – lợi, sáng – tối mà tự chọn cho mình một đường đi đúng đắn.

Kết thúc bài Hịch, tác giả nêu lên một tư tưởng giáo dục, một nhận thức đúng đắn sâu sắc, cụ thể, đó là "đạo thần chủ". Yêu nước, trung thành với chủ phải được thể hiện bằng hành động, chăm chỉ tập luyện binh pháp và rèn luyện binh thư. Còn nếu lười biếng, trốn tránh tập luyện, trái lời dạy bảo thì coi như nghịch thù. Đây không chỉ là lời tuyên chiến mạnh mẽ với giặc mà còn là lời tuyên chiến, bác bỏ với mọi tư tưởng đầu hàng, thỏa hiệp

đình chiến. Thể hiện lòng quyết tâm gang thép, tinh thần chiến đấu mạnh mẽ, cháy bỏng không gì thay đổi được ở vị tướng tài ba Trần Quốc Tuấn.

Về mặt nghệ thuật, có thể nói bài Hịch đã đạt tới trình độ mẫu mực của thể văn chính luận. Nghệ thuật lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, có lớp lang, theo trình tự tăng tiến cho tới khi kết thúc tác phẩm. Giọng văn biến đổi linh hoạt: khi thì nhẹ nhàng trò chuyện tâm tình thân mật (đoạn 1); khi lại đau xót uất ức, căm hờn (đoạn 2); lúc lại hào sảng, tươi vui (đoạn 3); khi lại nghiêm khắc, rắn rỏi (đoạn 3 và đoạn cuối). Ngoài ra, bài Hịch còn sử dụng rất tài tình thể văn biến ngẫu với các cặp câu cân xứng nhịp nhàng, đăng đối hô ứng nối tiếp nhau trong văn bản, giúp ý tứ được tung hứng tài tình, thắt buộc chặt chẽ, dẫn dắt người đọc đến mục đích cuối cùng của người viết. Phép trùng điệp, liệt kê kết hợp với các câu hỏi tu từ càng làm tăng thêm sức biểu cảm cho bài hịch. Bên cạnh đó, ngôn ngữ hình ảnh bài hịch cũng rất phong phú, sinh động, giàu sức gợi (khi nói về bọn giặc, tác giả sử dụng ngôn ngữ vật hóa: uốn lưỡi cú diều, đem thân dê chó, đem thịt mà nuôi hổ đói...). Và trong bài, tác giả cũng sử dụng khá nhiều những điển cố, điển tích những rất dễ hiểu, hài hòa, tự nhiên... Tất cả đã góp phần làm nên thành công của bài Hịch.

Tóm lại, "Hịch tướng sĩ" là một văn bản không những có ý nghĩa lịch sử: phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược, thể hiện lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân dân ta trong công cuộc bảo vệ biên cương, bờ cõi, mà văn bản còn là một tác phẩm văn học, một áng văn chính luận mẫu mực, bậc thầy, rất xứng đáng là "áng thiên cổ hùng văn" của muôn đời.